

TỔ NHƯ TRỪNG LÂN GIÁC TRONG BỐI CẢNH THẾ KỶ XVII, XVIII VỚI SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÁC BẠC "TÙNG LÂM THẠCH TRỤ" Ở BẮC NINH



TS. Nguyễn Quang Hà

Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long – Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu về Thiền sư Trịnh Thập cần phải đặt trong một bối cảnh cụ thể: Đó là sự xuất hiện của dòng Thiền phái Lâm Tế của Chuyết Chuyết Thiền sư (nửa đầu thế kỷ 17) và đến thế kỷ 18, với sự xuất hiện của Thiền sư Chân Nguyên – người có công khơi dòng Phật giáo Trúc Lâm (đã có từ thời Trần), lúc này tiếp tục kết hợp với dòng Lâm Tế để tạo nên một sức sống mới của dòng thiền Phật giáo Việt Nam. Trịnh Thập tự Lâm Giác, hiệu Cứu Sinh là học trò đồng thời được Chân Nguyên thiền sư truyền đăng với sứ mệnh duy trì và nối tiếp sự nghiệp của Thầy. Cả hai thầy trò Chân Nguyên cũng như Trịnh Thập đều có ảnh hưởng lớn đến nhiều sơn môn trong một địa bàn rộng ở Hà Nội, Bắc Ninh cũng như nhiều tỉnh khác. Trong phạm vi một tham luận, kiến văn có hạn, tác giả mới chỉ có điều kiện trình bày về một số tư liệu (trong đó chủ yếu là những tư liệu văn bia sưu tầm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thế kỷ 17, 18, nhằm phác họa bước đầu về những vị thiền sư tiêu biểu của phái Lâm Tế và phái Trúc Lâm trong đó có thiền sư Trịnh Thập.

Từ khóa: Trịnh Thập, Lâm Giác, Cứu Sinh, Trúc Lâm, Lâm Tế

1. Dẫn nhập

Phật giáo Thiền phái Trúc Lâm và phái Lâm Tế được hình thành trên nền tảng của Phật giáo Việt Nam có lịch sử phát triển lâu đời. Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, với hàng nghìn năm phát triển của những ngôi danh lam cổ tự như: Chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp, Chùa Hàm Long, chùa Tĩnh虑... Đến thời Lý, Trần, những ngôi chùa này đã rất nổi tiếng và được triều đình tổ chức xây dựng, trùng tu với quy mô lớn. Đến thời Lê Trung hưng, nhiều ngôi cổ tự đã xuống cấp và lại được sự quan tâm của triều đình Lê – Trịnh nên tiếp tục xây dựng, trùng tu. Diện mạo của những danh lam cổ tự từ lần xây dựng ấy cơ bản còn lại cho đến ngày nay là do công lao của các vị sư trụ trì đương thời.

Xã hội Việt Nam thời Lê – Trịnh (Đại Việt) cũng như xã hội Trung Quốc thời cuối Minh đầu Thanh có nhiều biến động phức tạp, nhiều thiền sư Trung Quốc phải chạy sang Đại Việt để lánh nạn rồi kết hợp với việc tu hành, truyền bá Phật giáo - trong những vị đó, vào đầu thế kỷ 17 có Chuyết Chuyết thiền sư. Chuyết Chuyết được coi là tổ thứ Nhất của phái Lâm Tế, trụ trì chủ yếu ở chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh) và chùa Phật Tích (huyện Tiên Du). Sau Chuyết Chuyết truyền cho Minh Hành Thích Tại Tại và nhiều đệ tử nổi pháp khác. Ngoài ra, người theo thiền phái này còn có những bậc vương công, quận chúa khác cùng tu tập và xuất gia tại đây như: Hoàng Hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (vợ vua Lê Thần Tông), Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên... Không chỉ tu tập, tụng kinh niệm Phật làm công tác của Phật sự, một số vị Thiền sư khi đó còn kiêm luôn công việc như một học giả thực thụ: trước tác sách vở, biên soạn từ điển, in khắc kinh Phật, soạn văn bia... đã góp phần cùng các học giả, các vị khoa bảng Nho học tạo nên học phong phát triển.

Người được coi có công nối tiếp và kết hợp được các dòng phái Lâm Tế và Trúc Lâm là Thiền sư Chân Nguyên. Chân Nguyên có ảnh hưởng đến nhiều sơn môn đặc biệt là khu vực phía Bắc như: Khu vực Yên Tử (Quảng Ninh), Bắc Giang, Bắc Ninh... Ngài có nhiều đệ tử theo học và đã

trở thành một bậc Cao tăng trong giới Thiền lâm. Cuối đời, Chân Nguyên Thiền sư đã chọn Trịnh Thập, hiệu Lân Giác, tự Cứu Sinh làm người nối đèn. Trịnh Thập tiếp nối vai trò lịch sử được thầy trao truyền và có những ảnh hưởng rất quan trọng trong Phật giáo đương thời đặc biệt là khu vực thuộc Sơn môn Liên Phái và Sơn môn Hàm Long. Dưới đây, xin được trình bày về những tư liệu liên quan đến những vị Thiền sư tiêu biểu như trên đã đề cập.

2. Thiền sư Chuyết Chuyết (1590 - 1644) - người mở đầu phái Lâm Tế ở Việt Nam

Người được coi là vị tổ thứ Nhất của chùa Bút Tháp là thiền sư Chuyết Chuyết 拙拙禪師. Vào cuối thời Minh (cuối Tk XVI - đầu Tk XVII) tình hình chính trị không ổn định, nhiều người Trung Hoa sang Đại Việt lánh nạn. Có lẽ, Chuyết Chuyết cũng sang nước ta trong hoàn cảnh này. Bia Hiến Thụy am, Báo Nghiêm tháp bi minh 顯瑞庵報嚴塔碑銘 khắc năm Đinh Hợi niên hiệu Phúc Thái thứ 5 (1647) do đệ tử là Minh Hành lập và Thanh Nguyên cư sĩ Âu Dương Vượng Đăng, hiệu Thế Chân (soạn). Về nhà sư Chuyết Chuyết, phần đầu ghi: "Phong Minh Việt Phổ Giác Quảng Tế đại đức thiền sư Chuyết công Hòa thượng nhục thân bồ tát tháp minh 封明越普覺廣濟大德禪師拙公和尚肉身菩薩塔銘 (Bài minh tháp Hòa thượng Chuyết Chuyết được phong Minh - Việt Phổ Giác Quảng Tế đại đức thiền sư). Chuyết Chuyết không phải là người vậy. Lại hay thất hiếu quên ơn cha mẹ, họ Thẩm bị diệt kiếp ngũ luân, cho đến nay mới được làm kiếp người. Ngài vượt sông sang gặp vua nước Miên được vua coi là bậc thầy cũng không gọi là quá. Lại nói rằng, bậc sĩ đại ngôn mà không có thực, hư danh mà không thể dùng được. Đoạn tiếp theo Thiền sư Minh Hành thuật lại: "Tôi lấy lòng từ bi thuật lại việc lánh đời đến nước Nam gặp Chuyết Chuyết ở chùa Khán Sơn, thành Thăng Long. Ông nói là cuồng sĩ vậy. Gặp nhau lâu, ông mở ra việc cứu giúp mọi người ở nơi núi sông mà không ngại, lại nói rằng có tài vui đùa. Bậc công khanh che chở cả già trẻ, lấy thiên tử làm bạn tốt, coi tiền tài như cỏ rác, vốn không coi trọng tiền tài, ra tay cứu vớt người nghèo đói, cứu người bản hàn, nghĩa khí cao cả thông suốt cổ kim, trải qua các đời có thể gọi là người ngoại hạng mà khí tiết từ bi thì tận thiện rồi. Chuyết Chuyết tự phụ có chí của Liễu Hạ Huệ. Tôi lại chưa tin và cùng ở với nhau mấy tháng (...) Việc giới hành nhần nhục như thế, biến hóa khôn lường lại như thế, tôi kính phục ông, ôi ông sống trí tuệ vậy. Tin thật rồi. Nếu không có được nơi sâu thẳm của núi tuyết, mệnh mỏng của biển lớn thì cũng mở ra chân tính của Cam lồ. Do đó, nhân duyên cũng không phải là ít, công danh của bậc đại phu như thế, do đó tháp miếu xây 5 tầng vẫn là sự bất hiếu của bậc đệ tử. Tháp xây xong ghi lại lời nói, tế điển đầy đủ, xin tôi bài kí. Tôi kính cẩn viết bài bia và bài minh. Ông là người quận Chương Hải, họ Lý, hiệu Chuyết Chuyết". Phần cuối là bài minh dài 26 câu.

Tượng Tổ sư Chuyết Chuyết tại khám thờ trong tháp Báo Nghiêm, chùa Bút Tháp. Ảnh: St



Mặt bia sau mang tên Hiến Thụy am hương hỏa điền bi kí 顯瑞庵香火田碑記 cho biết thêm: Tổ sư họ Lý, hiệu Chuyết Chuyết 拙拙, người Hải Trừng 海澄, Mân Chương 珉章 sinh ngày 22 tháng 2 năm Canh Dần niên hiệu Vạn Lịch 萬曆 đời Minh (1590), nhập định (viên tịch) ngày 15 tháng 7 năm Giáp Thân, niên hiệu Phúc Thái 福泰 Đại Việt (1644).

Qua tư liệu trên cho biết khá rõ về lai lịch của thiền sư Chuyết Chuyết. Chỉ có điều, có chỗ ghi ông họ Thẩm 審氏, có chỗ lại ghi là họ Lý 李氏. Có lẽ trước đây ở Trung Quốc là họ Thẩm, nhưng sang Đại Việt mới đổi là họ Lý (?) sinh thời từng chu du nhiều nơi như từ Trung Quốc qua nước Miên 眠國 (Campuchia) rồi mới đến Đại Việt. Bia cho biết ông là người lánh đời đi tu về sau ốm bệnh mà chết, thọ 54 tuổi. Sau này có một số nhà nghiên cứu cho rằng thiền sư Chuyết Công đã hình thành nên một chi phái gọi là phái Lâm Tế thiền tông. Phạm Đình Hổ trong mục “Chuyết công Thiền sư” viết trong Tang thương ngẫu lục như sau: “Chùa Phật Tích ở núi Lạn Kha, do vua Anh Tông nhà Lý dựng lên, cung son điện vẽ, san sát trong núi. Có người can vua, vua cười mà bảo: Đó là cái duyên xưa của trẫm. Hối tiền triều Trung hưng, có người thầy tu ở bên Tàu là Chuyết Công thiền sư, đi thuyền bể chở hơn ba vạn quyển kinh Tam tạng sang nước Nam, lên núi Lạn Kha, hoảng nhiên như có hiểu ra một điều gì, nhân làm trụ trì ở đấy. Ở hơn được một

năm, Kinh Tam Tạng bị chuột gặm mất đến một nửa, sư lại về Tàu lấy kinh đem sang. Sau đời Lý - Trần, đạo Phật lại hưng thịnh đều là công sức của ông ấy cả”.

Tác giả Việt Nam Phật giáo sử lược cho rằng: “Vào khoảng đời vua Lê Hy Tông (1676 - 1705) ở Bắc lại có phái gọi là phái Liên tông, do một vị vương công nhà họ Trịnh là Lâm Giác thiền sư lập ra ở chùa Liên Phái (Bạch Mai, Hà Nội) đồng thời sư Nguyệt Quang cũng là đệ tử của ngài Chính Giác, ngài Chính Giác là đệ tử của ngài Chuyết Công tức là chi phái của phái Lâm tế. Thế hệ kế tiếp Thiền sư Chuyết Chuyết trụ trì tại chùa Bút Tháp là Minh Hành thiền sư đã được bi kí ở đây ghi lại khá rõ.

3. Vị thiền sư truyền thừa của phái Lâm tế

Minh Hành thiền sư (1595 - 1659): Minh Hành là đệ tử đặc pháp được truyền đăng từ Chuyết Công hòa thượng. Bia Ninh Phúc thiền tự tam bảo tế tự điền bi 寧福禪寺三寶濟祀田碑, dòng đầu ghi: Sắc kiến Tôn Đức tháp khoán thạch 敕建尊德券石. (Về việc quy ước xây tháp Tôn Đức) khắc ngày tốt tháng 11 năm Giáp Dần niên hiệu Đức Nguyên thứ nhất triều Lê (1674) có đoạn: “Thành đăng Chính Giác đại đức thiền sư, hóa thân bồ tát, pháp danh Minh Hành thiền sư 明行禪師, hiệu Tại Tại 在在. Ông vốn họ Hà, phủ Kiến Xương 建昌府, tỉnh Giang Tây 江西省 từ nước Đại Minh đến kinh đô Đại Việt vào năm Quý Dậu niên hiệu Đức Long thứ 5 (1633), theo thầy Phổ Giác (tức Chuyết Chuyết) để hành giáo. Năm Giáp Thân Phúc Thái thứ 2 (1644) thụ y bát, làm việc thiện, giới luật rất nghiêm, đạo cao đức trọng (...) nhà sư trụ thế 64 tuổi, viên tịch ngày 25 tháng 3 năm Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ 2 (1659). Sắc cho đệ tử Tì kheo - ni - Sa - di, Sa - di Ưu Bà tắc, Ưu Bà di, xây bảo tháp an táng xá lị tháng 11 năm Canh Tý (1660) ở chùa Ninh Phúc để truyền tâm ấn muôn vạn năm”.

Một tư liệu khác là những dòng chữ khắc trực tiếp vào tháp Tôn Đức (nơi yên nghỉ của thiền sư Minh Hành) khắc năm Giáp Tý niên hiệu Chính Hòa thứ 5 (1684) có đoạn: 二祖敕封明越成等正覺大德禪師本北朝之禪宗修南國之正道 (Nhị tổ Sắc phong Minh Việt thành đăng Chính Giác đại đức Thiền sư, vốn theo phái Thiền tông phương Bắc, tu chính đạo ở nước Nam). Qua các tư liệu trên, cho biết được thiền sư Minh Hành sinh năm 1595, mất năm 1659, thọ 64 tuổi. Minh Hành sang Đại Việt từ năm Quý Dậu niên hiệu Đức Long thứ 5 (1633) và theo thầy Phổ Giác (Chuyết Chuyết) khi đó là 38 tuổi. Nhưng phải đến 11 năm sau (năm 1644) khi đã 49 tuổi ông mới chính thức đi tu. Cũng năm này, nhà sư Chuyết Chuyết viên tịch và 15 sau đó nhà sư Minh Hành cũng qua đời. Qua đây, cho biết thêm về mối quan hệ giữa ông với nhà sư Chuyết Chuyết đồng thời cũng một lần nữa khẳng định việc sư Chuyết Chuyết sang Đại Việt vào khoảng những năm đầu Tk XVII (trước năm 1633).

Tìm hiểu về môn phái của chùa bên cạnh nguồn tư liệu bi kí đặc biệt là những văn bia được dựng sau khi vị sư đó viên tịch, thường được gắn liền với một số ngôi tháp trụ xá lỵ với những lời minh ca tụng, người đời sau còn có thể tìm hiểu được dòng nhánh của môn phái ấy qua

cách đặt tên pháp danh. Ở đây, tên gọi cho các thế hệ thầy trò trong chùa thường được đặt theo một quy tắc nhất định.

Ban đầu bài kệ truyền thừa chỉ có 16 chữ:

Đột Không Trí Bản Thiền sư 突空智板禅师 không rõ tên họ là gì, sinh năm 1381, thuộc đời thứ 25 dòng Lâm Tế chính tông, hệ Đoạn Kiều 断桥系 phái Dương Kỳ 杨歧派 và là cháu truyền pháp đời thứ 7 của Bích Phong Tính Kim thiền sư 碧峰性金禅师 là đệ tử thứ 3 của Vô Tế Minh Ngộ thiền sư 无际明悟禅师, đệ tử thứ 2 của Nguyệt Khê Diệu Trừng thiền sư 月溪耀澄禅师 và là pháp tự của Thiên Phong Kính Tú Thiền sư 千峰镜秀禅师. Năm 1436, ông đến Kiêm Dương 黔阳 xây chùa cô Phô Minh 普明禅寺 trên núi Long Tiêu 龍焦山 đã tan hoang, ông bèn cho xây một chốn tổ trang nghiêm trang hoàng về trụ trì tại đó. Đồng thời Không Không Trí Bản xiển dương pháp kệ bài truyền phái gồm 16 chữ:

智慧清淨 “Tri tuệ thanh tịnh
道德圓明 Đạo đức viên minh
真性如海 Chân tính như hải
寂昭普通 Tịch chiêu phổ thông”

Bài “Kệ phái truyền thừa Lâm Tế Đại Việt” ban đầu chỉ có 16 chữ, sau được các đời sau phát triển nối tiếp thành bài kệ hoàn chỉnh gồm 48 chữ. Theo một số nhà nghiên cứu cho rằng: “Lại nói từ bài kệ 16 chữ của Trí Bản Đột Không, về sau chùa Phổ Đà 普陀寺 trên núi Nga Mi Ngũ Đài 五臺峨嵋 đã hoàng dương pháp kệ thêm 32 chữ nữa để hoàn thành bài kệ dài 48 chữ và tạo thành bài kệ truyền phái như sau: “Lâm Tế đời thứ 18 là: Phương Sơn Văn Bảo 方山文宝 truyền đến Bích Phong Tính Kim 碧峰性金 truyền Bạch Vân Không Độ 白云空度, lại truyền □ Cổ Chuyết Nguyên Tuấn 古拙原俊, truyền □ Vô Tế Lăng Ngộ 无际朗悟 Nguyệt Khê Diệu Trừng 月溪耀澄, truyền Thiên Phong Kính Tú 千峰镜秀, truyền Đột Không Trí Bản 突空智板, truyền Vô Tân Tuê Hải 无尽慧海, truyền Bích Thiên Thanh Không 碧天清空... Các đời sau đã hoàn thiện và nối dài bài kệ truyền thừa được 48 chữ:

智慧清淨 Trí tuệ thanh tịnh
道德圓明 Đạo đức viên minh
真如性海 Chân như tính hải
寂昭普通 Tịch chiêu phổ thông.
心源廣潤 Tâm nguyên quang nhuần,
本覺昌隆 Bản giác xương long.
能仁聖果 Năng nhân thanh quả,
常演寬竝 Thường diễn khoan hồng.
惟傳法印 Duy truyền pháp ấn,
證悟會融 Chứng ngộ hội dung.
堅持戒定 Kiên trì giới định,
永紹祖宗 Vinh thiêu tổ tông”

Ngoài các văn bia hiện lưu giữ tại chùa Bút Tháp (Ninh Phúc tự, x. Đình Tổ - h. Thuận Thành)

viết về hành trạng và thế hệ của các thầy trò dòng Lâm Tế, các nhà nghiên cứu còn sưu tầm được ở các địa phương khác phát hiện thêm tác phẩm Kiến tính thành Phật 見性成佛 do Sa di ni Diệu Thịnh cho khắc in năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) tại chùa Sùng Phúc (xã Thổ Khối, huyện Gia Lâm). Tác phẩm này hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm in lại bài kệ trên và cho biết Chuyết Chuyết truyền thừa vào Việt Nam. Tập sách trên của Sa di Diệu Thịnh tuy được khắc vào đầu triều Nguyễn nhưng nó cũng là một tập sách quý viết về dòng thiền Lâm Tế ghi về Chuyết Chuyết đặc biệt là ngôi chùa Sùng Phúc, (khi đó thuộc vùng văn hóa Kinh Bắc - Bắc Ninh) đã lưu giữ quyển sách từ trước cho đến nay.

Ni sư Trịnh Thị Ngọc Trúc (1595 - 1660): Sau khi nhà sư Minh Hành qua đời, chùa Bút Tháp còn có nhiều vị thiền sư khác nối tiếp. Chẳng hạn sau 25 năm sau ngày nhà sư Minh Hành qua đời, vào năm Giáp Tý niên hiệu Chính Hòa thứ 5 (1684) có ghi trên tháp Tôn Đức 尊德塔 đệ tử Tì kheo Sa di hiệu Diệu Tuệ 比丘娑弥号妙慧, hiệu Thiện Thiện 號善善 mua ruộng giao cho xã Nhạn Tháp cày cấy để làm giỗ Minh Hành thiền sư. Đặc biệt là người sống cùng thời với nhà sư Chuyết Chuyết và nhà sư Minh Hành đồng thời cũng là đệ tử trực tiếp của Minh Hành là Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc 鄭氏玉竹 (vợ vua Lê Thần Tông) tu hành tại chùa, có công lớn xây dựng các công trình kiến trúc.

Viết về bà Trịnh Thị Ngọc Trúc, sách Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT) viết: "Năm Canh Ngọ niên hiệu Đức Long năm thứ 2 (1630) (Minh Sùng Trinh năm thứ 3), mùa hạ tháng 5, vua lấy con gái của Vương là Trịnh Thị Ngọc Trúc lập làm Hoàng hậu. Trước đây, Ngọc Trúc đã lấy bác họ của vua là Cường Quận công Lê Trự, sinh được 4 con. Khi ấy Lê Trự bị giam trong ngục, Vương đem Ngọc Trúc gả cho vua, vua lấy vào cung. Triều thần là bọn Nguyễn Thực, Nguyễn Danh Thế nhiều lần dâng sớ can. Vua không nghe và nói rằng: Xong việc thì thôi, lấy gượng vậy. Từ hôm ấy trở đi, trời mưa dầm mấy ngày đêm không ngớt.

Cuộc đời Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc không được đề cập nhiều trong ĐVSKTT nhưng qua những tấm bia chùa Bút Tháp đã giúp cho hậu thế hiểu thêm về bà. Tháp Ni Châu 尼珠塔 bên phải tháp Tôn Đức sau chùa, nơi yên nghỉ của bà được xây bằng những phiến đá lớn ghép lại trông thật cổ kính trang nghiêm, trên thân tháp còn ghi nhiều chi tiết về bà. Bia khắc tháng 5 năm Vĩnh Hựu thứ 3 (1737) có đoạn: "Bà tính khí nhu thuận, ngay thẳng, mắt trong thanh tú, thể chất khác thường, Cha bà dạy cho bà sách nhà Phật, tập học điều chương, kế thuật chưa được mấy năm, sách nhà chùa đã bác đạt, văn chương đẹp đẽ, phong phú, thân tuy là nữ mà tài trí sánh ngang với nam nhi quân tử". Tiếp theo sau đó có đoạn: "Bà đến cửa thiền mà xuống tóc, bỏ nơi trướng lệ mà ở nơi nhà tranh, đem tiền tài giúp đỡ nhà sư, ở nơi vắng vẻ, lời nói chân thật, mọi người vui vẻ. Chùa Ninh Phúc một chốn Bồ Đề, dựng tháp đá mà thành Phật đạo, há chẳng phải không hạnh phúc hay sao, há chẳng vui sướng hay sao?".

Tư liệu văn bia ở tháp Ni Châu và các nguồn sử liệu thư tịch cổ cho biết bà Trịnh Thị Ngọc Trúc sinh ra trong một gia đình vương giả, thuở nhỏ đã được học sách Phật, bà đã có hai đời chồng, trước lấy Cường Quận công Lê Trự vào năm Thuận Đức thứ nhất (1600) sau lại bị ép gả cho vua Lê Thần Tông vào năm Canh Ngọ niên hiệu Đức Long thứ 2 (1630) và sau đó ít lâu bà bỏ cung cấm vào chùa Bút Tháp được Thiền sư Chính Giác 正覺 (Minh Hành) truyền cho y bát đạo

tràng. Không biết Bà cùng người con gái là Lê Thị Ngọc Duyên chính thức vào chùa Bút Tháp từ năm nào. Chỉ biết rằng trên bia Phụng lệnh chỉ 奉令指 bà đã cùng con gái là Lê Thị Ngọc Duyên cúng ruộng thế nghiệp ở huyện Yên Mô (Ninh Bình) vào việc trùng tu chùa. Bia Phụng lệnh chỉ khắc ghi năm Phúc Thái thứ 4 (1646) như sau: "Chính cung Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc cùng Đại nguyên soái Thống quốc chính Thái thượng sư phụ Thanh Vương (Trịnh Tùng) lãnh chỉ nguyên phụng binh dân các hạng, cung tiến cho xã Nhạn Tháp, huyện Siêu Loại các loại thuế làm ruộng ngụ lộc. Nhưng thấy bản xã có chùa Ninh Phúc là cổ tích danh lam, đang được trùng tu lại, nhân đây cho làm tạo lệ để lo hương hỏa cho bản tự. Con gái Trịnh Thị Ngọc Trúc pháp danh hiệu Diệu Tuệ 鄭氏玉緣法名號妙慧 có ruộng thế nghiệp ở xứ Nhuệ Cổ Lộng, (tràng Hưng Hiền, huyện Yên Mô) làm ruộng hương hỏa và đắp đê quan lộ". Sau 7 năm tiến hành trùng tu, xây dựng lớn đến năm 1647 được hoàn thành. Bia Ninh Phúc thiền tự tam bảo tế tự điền bi 寧福禪寺三寶際祀田碑 dựng năm Đinh Hợi niên hiệu Phúc Thái thứ 5 (1647) viết: "Lê triều Hoàng Thái hậu hoàng thiện đàn việt đạo tràng, mẫu chúa Bà Kim Cương Trịnh thị, đạo hiệu Pháp Tính, tấm lòng đôn hậu, tốt đạo, từ bi, xây dựng lầu đài, điện miếu từ bi, hiếu thảo, đặt mua ruộng phúc giao cho xã Nhạn Tháp trồng cấy truyền cho con cháu muôn đời hương hỏa tế tự thường niên vào ngày rằm, mồng một mỗi tháng, ngày sinh, giỗ, các nạp đèn hương thờ phụng trời Phật, sau là thờ bà Trịnh Thị Ngọc Trúc, đặt ruộng ở thôn Ư Bền, Phúc Lâm, Tứ Kỳ, các xã Nhạn Tháp, Đại Trạch, Á Lữ, Đình Tổ khai hết như sau (gồm 54) nơi. Năm 1659 nhà sư Minh Hành viên tịch, đến năm sau (1660) bà Trịnh Thị Ngọc Trúc lại đứng lên xây tháp. Trên tháp còn ghi: Đệ tử Chính cung Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc đạo hiệu Pháp Tính xây tháp弟子正宮皇太后鄭氏玉竹道號法性建塔. Tháp đá Tôn Đức của nhà sư Minh Hành do bà Ngọc Trúc xây nhưng đến năm Giáp Tý Chính Hòa thứ 5 (1684) mới khắc chữ Hán chung quanh thân tháp (lúc này bà Ngọc Trúc đã qua đời được ba năm). Trên thân tháp còn viết về công lao của bà và con gái Ngọc Duyên: "Hoàng Thái hậu thực là Bồ tát sống lại. Trưởng Công chúa hiệu Diệu Tuệ được giáo dục trong cung cấm, đức hạnh nổi tiếng ở đời, thuần thực đệ nhất trong cung. Ban đầu Ngọc Duyên chuộng Phật, tuy ở nhà nhưng luôn làm điều nhân, đến tuổi đào yêu (trưởng thành) tâm luôn chuộng điều thiện, thi hành nhân nghĩa, độ chúng sinh năm 26 tuổi, năm 30 tuổi được nhà sư Chính Giác truyền y bát đạo tràng. Ôn trạch của Hoàng thái hậu, con gái Diệu Tuệ bèn lấy cái tâm của Thánh mẫu ngộ thành đạo của Phật tổ, lấy cửa cải châu báu tu sửa chùa Ninh Phúc trong ngoài trang nghiêm, bảo tháp làm xong lưu truyền vạn đại".

Hiện tại chùa Bút Tháp còn có Phủ thờ để thờ bà cùng các con gái, con trai, vương tôn trong Phủ như Chính cung Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, Trịnh Thị Ngọc Cơ, Quận chúa Lê Thị Duyên, Thái tử Lê Đình Tứ (con Hoàng Hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc - con vua Lê Thần Tông). Khác với những pho tượng mang tính chất tượng trưng ước lệ, những pho tượng này đều là tượng bán thân cao khoảng 70cm tương đương với người thực ngoài đời, ngồi xếp bằng tròn, mặc triều phục, tóc dài gọn buông thả ngang lưng, mặc áo dài lộng lẫy, khuôn mặt trang nghiêm, đầy đặn nhưng tươi tắn phúc hậu. Những pho tượng này là hình ảnh cụ thể của những con người thực hết sức sinh động. Qua đây, có thể biết được phong cách cũng như trang phục của các bậc vương tôn, quận chúa, hoàng hậu thời Lê - Trịnh Tk XVII - XVIII. Những pho tượng này

được tạc vào khoảng đầu Tk XVIII, sau khi bà Trịnh Thị Ngọc Trúc và các con bà mất không lâu, có lẽ trong khoảng thời gian xây dựng Phủ thờ năm 1714. Người đứng ra dựng tượng, xây Phủ thờ là các bậc vương tôn trong Phủ chúa như Quận công Lê Đĩnh, Chánh đội Lê Trịnh cùng các quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Trịnh Thị Ngọc Mai. Bia Khánh lưu bi kí 慶流碑記 lập năm Giáp Ngọ Vĩnh Thịnh thứ 10 (1724) viết: "Phó Cai đội thị vệ sự thể thái hầu Lê Hội, Phó Cai quản Lại Quận công Lê Đĩnh, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Chánh đội trưởng Đô chỉ huy sứ Ninh Lộc hầu Lê Vịnh, Chánh đội trưởng hiệu điểm Tường Nghĩa hầu Lê Trinh và Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Mai... cùng toàn họ hưng công xây dựng điện vũ nguy nga. Nghĩ đến công đức của Hiển tăng tổ Chính cung Hoàng Thái hậu trình tểnh u nhân, tổ cô sắc phong Bồ Tát đoan trang điểm lệ thuộc dòng dõi tôn quý, lầu rồng chường ngọc Có lòng từ bi xây dựng chùa Ninh Phúc, xã Nhạn Tháp trở thành một chốn thiền lâm đẹp nhất Kinh Bắc, Tập hợp công đức của hương thôn, xây dựng điện vũ nguy nga, tráng lệ, mở mang trang hoàng trở thành một thế giới lưu ly, thật là có công đức với Phật như thế sao không hương hỏa thờ cúng cùng Phật được. Bèn xây dựng một nhà thờ riêng liền đặt vào sau nhà thờ Phật".

Ni sư Như Tuỳ 如隨尼師 (1691 - 1736): Bên trái tháp Tôn Đức 尊德塔 là tháp Tâm Hoa 心華塔 cao 3 tầng, dựng năm 1737 về hình thức cũng tương tự như tháp Ni Châu 尼朱塔 - nơi yên nghỉ của nhà sư pháp hiệu Như Tuỳ 如隨 (1691 - 1736). Trên thân tháp còn khắc tiểu sử của vị thiền sư này, do Sa môn Tính Quảng Thích Điều Điều 拏門性廣釋條條 (soạn). Nội dung bài văn bia trên tháp ghi về học trò là Tỳ kheo ni hiệu Diệu Viên 比丘尼號妙圓 cúng ruộng vào chùa để tổ chức cúng giỗ và tưởng nhớ bậc đại sư là Sa Môn tự Tính Hải 沙門性諧 và Tỳ kheo tự Như Tuỳ 比丘字如隨: "Tỳ kheo ni hiệu Diệu Viên, tôn sùng Phật đạo, trụ trì chùa Ninh Phúc, mua ruộng ở hai xã Nhạn Tháp, Đại Trạch, sở hữu ruộng các xứ tổng cộng 1 mẫu 1 sào 5 thước, nguyên hứa cúng cho Sa Môn, tên tự là Tính Hải, lấy làm chi phí trà, cơm, để gây ươm phúc đức, để đền đáp công ơn truyền dạy của Bậc Tỳ kheo, tự là Như Tuỳ, Thiền sư hoá thân Bồ Tát, lấy hoa lợi làm đồ cúng tế phụng thờ, giao cho bản thôn trồng cấy. Hằng năm vào dịp 2 kỳ: Ngày sinh - 17, tháng 6, chuẩn bị 2 mâm cỗ xôi; ngày 26 tháng 10, ngài viên tịch (ky), chuẩn bị 4 mâm cỗ. Bản xã chuẩn bị đầy đủ hương hoa, quả. Ngày sinh tiến hành lễ cúng như đã quy định .

Phần tiểu sử của nhà sư ghi: "Nhà sư người Kim Bảng, cha là Nguyễn Quý Công tự là Lục, mẹ là Đinh thị hiệu Diệu Cung, khi sinh mộng thấy trong rừng trúc mà suất thai (ngày 17 tháng 6 năm Tân Mùi (1691). Cha ngài mất sớm, còn mẹ già tìm đến đất Bắc (Kinh Bắc) nghe chùa Thiên Tâm 天心寺, Tiêu Sơn 焦山 có sư trụ trì là lão tăng pháp danh Như Trí 如智 rồi cho Như Tuỳ 如隨 đến làm đệ tử và nhà sư nhận xuống tóc thụ giới từ đây. Được khoảng 5 năm, nhà sư Như Trí viên tịch. Bà mới đầu trụ trì chùa Chân Khai 真開, (Đông Sơn 東山). Đến năm Đinh Mùi lại đến chùa Long Động 龍洞, núi Yên Tử thuộc tông phái nhà sư Hòa thượng Chính Giác. Nhà sư ứng duyên trụ trì chùa Ninh Phúc (tức Bút Tháp) được hai ba năm, đến năm Bính Thân thì mất. Giờ Mùi ngày 20 tháng 11 năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) nhà sư nhập định, hưởng thọ 46 tuổi. Khi Bà viên tịch, sau các học trò tổ chức hoả đàn 7 ngày rồi cho nhập tháp đặt ở bên trái tháp Tôn Đức. Cuối bài minh tháp là một bài minh dài 32 câu và danh sách 16 học trò, tháp này do học trò của Thiền sư Như Tuỳ lập nên. Chữ viết trên tháp khá đẹp, nhuần nhuyễn, phần

cuối viết theo lối thảo phóng khoáng đạt trình độ nghệ thuật cao. Bài kí trên tháp, cho biết Thiền sư Như Tuỳ từng trụ trì nhiều nơi. Tuy ở chùa Bút Tháp trong một thời gian ngắn nhưng bà có công tu tạo chùa vào những năm đầu Tk XVIII.

Trong khoảng một thế kỷ (từ nửa đầu Tk XVII đến nửa đầu Tk XVIII), chùa Bút Tháp đã được xây dựng với qui mô bề thế. Đó là sự đóng góp sức người sức của của nhiều thế hệ, của toàn dân trong đó không thể không kể đến công lao của các vị thiền sư như Chuyết Chuyết, Minh Hành, Như Tuỳ, Như Chúc, Hoàng Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc và nhiều vị Vương tôn, Quận chúa, Quận công trong chính quyền Lê - Trịnh. Sự đóng góp xây dựng của những nhân vật này được ghi lại một cách hệ thống, đầy đủ trên các bi kí và hiện diện bằng những công trình kiến trúc bề thế và qui mô, độc đáo về nghệ thuật.

Sư Trịnh Phúc Nguyên với chùa Thiên Thai và một số ngôi cổ tự khác: Trong văn bia ghi về tiểu sử nhân vật đặc biệt là các vị cao tăng khá cụ thể, chi tiết được coi là những trang sử đá như dạng “thực lục”. Chẳng hạn văn bia: Cứu Lĩnh Sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi kí 究嶺山上頂天台寺碑記, niên đại bia: Đức Long 3 (1631) ghi: “Hương Ngu Nhuế, xã Lập Ái, có thôn Bảo Tháp Ân Vương ấm phụ Mậu Lâm tá lang Trịnh Phúc Nguyên đến năm 18 tuổi thì làm thầy cứu đời, tên hiệu là Huyền Tông Nhân. Đến năm 33 tuổi thì xin xuất gia, trụ trì chùa Tĩnh Lự, được khoảng 6 - 7 năm, thấy người ngộ đạo. Năm Tân Hợi, về các xã thuộc các huyện Gia Định, Quế Dương khai sáng các chùa, cùng với các sãi vãi, thập phương, thiện tín cùng bỏ gia tài ra để tận tảo thượng điện, thiêu hương, tiền đường, tái tạo Tam giáo Thánh tôn các tượng”... Nội dung bia này còn viết tiếp: “Trên đỉnh núi Bảo Tháp, núi Đông Cứu, huyện Gia Định, phủ Thuận An, vốn là danh lam cổ. Đời trước có tháp, có chùa, các danh lam đều nguy nga, trải qua lâu ngày, bị đổ nát, xuống cấp chỉ còn nền thôi”順安府,嘉定縣,東究,究嶺山,寶塔上頂,原古跡前代,有寺名藍巍義業禪天日久弊頹,存一基也.

Trên tấm bia Bảo Tháp sơn, Thiên Thai tự, sãi vãi bi ký 寶塔山天台寺士媿, niên hiệu Đức Long 5 (1633), ghi về Chùa Thiên Thai, xã Đông Cứu có Mậu Lâm tá lang Trịnh Phúc Nguyên cùng với cháu đích tôn là Vệ sử Thăng Sơn Bá, chức Thiên hộ Tổng binh, truyền cho tính giác ngộ, lòng sáng trong, bỏ gia tài, cầu đạo Trụ trì chùa Tĩnh Lự là Tỳ Kheo Huệ Giác. Sư Trịnh Giác Nguyên còn cung tiến nhiều tiền của vào chùa Thiên Thai, (núi Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Bia: Bảo Tháp sơn, Thiên Thai tự, sãi vãi bi ký ghi: Hưng công tận tảo Thiên tăng trụ trì Thiên Thai tỳ kheo, tự Tuệ Giác Trịnh Phúc Nguyên (bỏ ra 35 quan).

Trịnh Huệ Giác không phải là Trịnh Giác Nguyên hay nói cách khác, hai vị thiền sư này sống cùng thời và cùng tham gia hưng công xây dựng chùa Thiên Thai. Tại chùa Phúc Lai (huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) có tấm bia Phúc Lai tự bi kí 福萊寺碑記, niên đại Hoàng Định 16 (1616) đề cập đến Sư Huệ Giác chùa Thiên Thai, chùa Thái Sư và chùa Tĩnh Lự của xã Đông Cứu (huyện Gia Bình, Bắc Ninh) như sau: “Trụ trì Thiên Thai tự, Sơn Tăng Trịnh Huệ Giác, Tỳ kheo tâm Phật chi từ tâm tính chi minh tính, lạc vi thiện, cần lạc phúc, ký trùng tu Tĩnh Lự, Thái Sư, Thiên Thai, chiêm vạn ban chi phong cảnh dã” 住持天台寺山僧鄭惠覺比丘心佛之茲心性之明性樂為善勤樂福既重修靜慮太師天台占萬般之風景也. (Dịch nghĩa: Sư Trịnh Huệ Giác, trụ trì chùa Thiên Thai là vị tỳ kheo có tấm lòng sáng trong, từ bi của một vị Phật, ngài chuyên

tâm làm phúc, đã trùng tu các chùa Tĩnh Lự, Thái Sư, Thiên Thai và từng đi chiêm bái muôn vàn cảnh đẹp).

Văn bia đề cập đến vị tổ khai sáng: Cứu Linh Sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi kí 究嶺山上頂天台寺碑記, niên đại Đức Long 3 (1631) viết về sư Trịnh Tuệ Giác như sau: “Đệ nhất khai sáng hưng công chi thành Thiên Thai tự, gia trì Lão Tăng Trịnh Tỳ kheo (xếp vào hàng) thập trụ, pháp hiệu Tuệ Giác (công đức tiền tài không thể kể hết. (Nguyên văn: “Công đức tiền tài bất kê số dã” (功德钱财不计数也). Như thế, Trịnh Tuệ Giác được tôn làm tổ thứ Nhất của chùa Thiên Thai.

Ảnh hưởng sử sư Trịnh Tuệ Giác không chỉ có công xây dựng chùa Bảo Tháp, chùa Thái Sư (Xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) mà còn hưng công xây dựng chùa Hương Nghiêm, xã Quế Ổ (huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh). Trên tấm bia Hưng Nghiêm tự bi 興嚴寺碑, niên đại Hoàng Định 19 (1619), (xã Quế Ổ, huyện Quế Dương, Bắc Ninh). Nội dung bia cho biết: chùa là một cổ tích danh lam đã bị xuống cấp đổ nát, xin mời vị Thiền tăng chùa Thiên Thai đến hưng công ngày 27 tháng 8 năm Giáp Dần (1614), xây dựng thượng điện, thiêu hương, tiền đường, bốn chung quanh, tam quan, lại tạo 27 pho tượng, đến năm Mậu Ngọ (1618) thì hoàn tất. Với thời gian xây dựng kéo dài và những hạng mục công trình được đề cập đến trong văn bia, chứng tỏ ngôi chùa Hưng Nghiêm đầu thế kỷ XVII được xây dựng rất quy mô, bề thế và tương đối hoàn thiện.

4. Thiền sư Chân Nguyên (1647 - 1726) - Người nối dòng Phật giáo Trúc Lâm

Hòa thượng Chân Nguyên được các nhà nghiên cứu đánh giá cao và công nhận là người có công lớn trong việc nối lại dòng mạch của thiền phái Trúc Lâm thời Trần. Việc Hòa thượng Chân Nguyên biên tập, khắc in các tác phẩm của Tam tổ Trần Nhân Tông (1258 - 1308), Thiền sư Huyền Quang (1254 - 1334), đều là những vị thiền sư khai sáng phái trúc Lâm thời Trần. Do đó, có thể thấy rõ Thiền sư Chân Nguyên đã sưu tập trước tác của các sư tổ cho khắc in cùng với bản hạnh của mình để lưu truyền lại sự tích thiền phái và trước tác của các vị tổ sư đời sau.

Thiền sư Chân Nguyên có ảnh hưởng sâu rộng, được coi là “tùng lâm thạch trụ” đương thời. Ông có ảnh hưởng lớn và nhiều thế hệ đệ tử noi theo. Bia Hiển an Sùng Quang tự thiền tháp ký 顯安崇光寺禪塔記, sưu tầm tại chùa làng Sen, (thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, Bắc Ninh) viết: “nhi ngô nho chi sở vị chi bất hủ dĩ. Thiền tháp giả Sa môn Như Lý thiền sư, xá lợi chi sở tàng quyết sơ đầu sinh vu hoài an thanh bộ chi Lê tính, thiếu tập Nho nghiệp, cập trưởng tòng Vĩnh Long tự. Hư Tạo thiền sư vấn đạo toại nãi lịch du Cẩm Giàng, Văn Thai, Dương Đường tự ký hựu ư Sùng Quang tự trụ trì, thủy mộ tài cư công đại sáng tự vũ, san kinh tạo tượng, chú chung, điều kiêu tầm nhập Yên Tử sơn, Long Động tự, nghênh chí Hòa thượng Chân Nguyên thiền sư, mật thụ phó chúc” (dịch nghĩa: mà nhà nho ta gọi là bất hủ đấy!. Tháp là nơi tàng giữ xá lợi của vị Thiền sư là Sa môn Như Lý 沙門如理. Ban đầu ngài sinh ra ở Hoài An懷安, Thanh Bồ青蒲, người họ Lê. Khi còn nhỏ học nghiệp Nho, khi lớn vào chùa Vĩnh Long永龍寺 học đạo ở nhà sư Như Toà如座禪師, rồi trải qua đi vãn cảnh ở chùa Án Đường案堂, Văn Thai文台, Cẩm Giàng錦江, rồi mới trụ trì ở chùa Sùng Quang, kêu gọi tiền của, triệu tập công đức, xây dựng chùa chiền, khắc kinh Phật, tạo tượng, đúc chuông, làm cầu rồi lại vào chùa Long Động 龍洞寺 để đón Hòa thượng Chân Nguyên thiền sư 和尚真源禪師. Tiếp theo

Tháp Tịch Quang tại chùa Quỳnh Lâm, Quảng Ninh thờ thiền sư Chân Nguyên. Ảnh: Minh Minh



bài tựa có đoạn: “ mật truyền cho việc xây dựng Cửu phẩm liên hoa, từ đó trở thành một đại danh thắng ở đất Bắc. Bỗng nhiên nhà sư hóa, cảnh và người như vẫn còn đầy đủ vậy. Tiểu tăng được sư truyền y bát, cho nên muốn tạo tháp để phụng thờ để còn mãi với danh lam thắng tích. Năm Tân Tỵ (1761) thì hoàn thành. Xin bài văn của tôi. Tôi trước đây cùng với thiền sư cũng đã biết đến nhau (...), không phải là coi Nho và Phật mà có cách nhìn chia ngã, vả lại việc tiểu tăng (học trò) có chí trong sáng như thế nên tôi đã nhận viết ngay”.

Phần sau ghi tên của các môn đồ (học trò) trong đạo tràng: Tính Lưu性瑠; Tính Đàn性坛; Hải Thiệu海紹; Hải Chí海至; Hải Am海庵; Tính Nhượng性讓; Hải Biện海汴; Hải Nhật海日; Hải Bội海倍; Hải []; Hải Ngoạn海玩.

Phần tiếp sau ghi danh các môn đồ là ni sư gồm: Diệu Hành妙行, Diệu Khoản妙欸, Diệu Đa妙多, Diệu Lan妙蘭, Diệu Dụng妙用, Diệu Khang妙康. Những đệ tử là tăng, ni đều đóng góp tiền để xây tháp cho thầy. Tiếp theo là danh sách quan viên bản xã công đức.

Phần lạc khoản ghi: Ngày 27, tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 22 (1761). Người viết bia là: Tứ Mậu Thìn khoa, Tiến sĩ Nhập thị Thiêm sai, Tri thị nội thư tả, Lễ bộ (?), Tây đạo giám sát Ngự sử Thọ đình thôn, Vũ Giới (Phủ soạn); Nhâm Tý khoa, thí trung thư cùng với Đề lại xã Ngô Phần tên là Phạm Bút (viết).

Theo nghiên cứu của Hoàng Thị Ngọc thì tác phẩm đầu tiên này phải được hoàn thành khi Thiền sư Chân Nguyên còn sống, tức là vào khoảng cuối Tk XVII đầu Tk XVIII. Như vậy, rất nhiều khả năng chính thiền sư Chân Nguyên là người đầu tiên đã biên soạn lại hay nói như người xưa là “dọn” lại văn Nôm thời Trần và cho khắc in cùng với bài kể hạnh của mình lấy nhan đề sách Thiền tông bản hạnh để lưu truyền lại”.

Về Hòa thượng Chân Nguyên, Hoà thượng Thích Thanh Từ trong tác phẩm Thiền sư Việt Nam viết: Hòa thượng Chân Nguyên, pháp danh Tuệ Đăng (1647 - 1726) là soạn giả của Thiền tông bản hạnh, ông là người họ Nguyễn, tên Nghiêm, tên chữ là Đình Lân. Thuở nhỏ, rất Thông minh, hạ bút là thành văn. Năm 16 tuổi, sau khi đọc xong quyển Tam tổ thực lục, ông liền tỉnh ngộ phát nguyện đi tu. Năm 19 tuổi, ông lên chùa Hoa Yên, núi Yên Tử yết kiến Thiền sư Thủy Nguyệt, sư Tuệ Nguyệt biết ông sẽ là pháp khí sau này liền thế phát, ban cho pháp hiệu là Tuệ Đăng. Sau, ông phát nguyện tu hạnh đầu đà đi du phương tham vấn Phật pháp. Ông lên chùa

Vĩnh Phúc ở núi Công Cương tham vấn Thiền sư Minh Lương là đệ tử Chuyết Chuyết. Sư Minh Lương bảo ông: Dòng thiền Lâm Tế trao cho ông, ông nên kế thừa làm thịnh ở đời” và đặt cho ông pháp hiệu Chân Nguyên. Về sau, ông được truyền thừa y bát Trúc Lâm, trụ trì chùa Long Động và Quỳnh Lâm là hai ngôi chùa lớn của phái Trúc Lâm.

Như thế, có thể nói, dòng thiền Lâm Tế và Trúc Lâm chính là một. Hay nói cách khác, Lâm Tế là dòng mạch nối dài của dòng Trúc Lâm. Người nối dõi đó chính là Hòa thượng Chân Nguyên.

Theo Thích Thanh Từ trong tác phẩm Thiền sư Việt Nam và căn cứ vào văn bản tác phẩm Thiền tông bản hạnh), cho biết, tác phẩm Kiến tính thành Phật, được ấn khắc in vào đầu triều Nguyễn (1825), tại chùa Sùng Phúc (Gia Lâm, HN), khi đó thuộc không gian văn hoá Kinh Bắc (Bắc Ninh) mà tác giả của công trình này chính là của Tuệ Đăng Chân Nguyên Hòa thượng (1624 -1726).

Hòa thượng Tuệ Đăng Chân Nguyên là người có đóng góp rất lớn đối với Phật giáo đương thời. Ông đã có công khôi phục thiền phái Trúc Lâm. Thông qua tác phẩm Thiền tông bản hạnh禪宗本行 đã lưu lại nhiều bài phú của các vị sư tổ đời Trần được truyền lại cho đến ngày nay. Tuệ Đăng Chân Nguyên cũng là tác giả bài Yên Tử sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh安子山竹林陳朝禪宗本行, bài đầu tiên trong tập sách , để phổ biến rộng rãi trong quảng đại quần chúng nhân dân, Thiền sư Chân Nguyên đã sử dụng ưu thế của thể thơ dân tộc là lục bát dễ thuộc, dễ nhớ để diễn Nôm sự tích lịch sử Phật giáo nói chung và dòng Thiền Trúc Lâm nói riêng. Nhờ vậy mà những giáo lý, triết lý vốn rất thâm hậu, khô khan, trừu tượng từ các kinh Phật như: Kim cương 金剛, Bát Nhã 般若, Lăng Nghiêm 楞嚴 đã được diễn đạt một cách giản dị, dễ hiểu. Cùng với những giáo lý, triết lý nhà Phật, được tác giả trình bày một cách nhuần nhuyễn, khéo léo để kết hợp với việc giảng giải về lịch sử dòng thiền Trúc Lâm và cuộc đời tu hành của các vua Trần để đi vào lòng người hơn là các tác phẩm “ngũ lục”, “thực lục” được chuyển tải bằng Hán văn nổi tiếng trong lịch sử Phật học Việt Nam như: Thánh đăng ngũ lục, Tam tổ thực lục... Với sự ra đời của tác phẩm Thiền tông bản hạnh của Hòa thượng Tuệ Đăng Chân Nguyên nó đã chứng tỏ văn tự Nôm Tk XVII- XVIII đã trưởng thành đủ sức ghi lại toàn bộ những vấn đề lịch sử Phật giáo, kí ức cùng những cung bậc tình cảm của tác giả. Điều đặc biệt nữa là qua tác phẩm Thiền tông bản hạnh đã sưu tập được nhiều các trước tác của các tác gia thiền sư thời Trần trong đó có nhiều tác gia thuộc thiền phái Trúc Lâm. Chỉ với công lao đó thôi, Hòa thượng Tuệ Đăng Chân Nguyên đã rất xứng đáng trở thành người nối được dòng của môn phái chính của dòng Trúc Lâm Tam tổ đời Trần. “Có thể nói Thiền tông bản hạnh có một vị trí đặc biệt trong lịch sử phát triển văn tự và văn học Nôm giúp chúng ta có cơ sở nghiên cứu, đánh giá tìm hiểu diện mạo, đặc trưng, cấu trúc của văn tự Nôm thời kỳ đầu. Đồng thời qua tác phẩm Thiền tông bản hạnh cũng cho thấy được sự ra đời và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần, những tư tưởng, tinh thần và triết lý thâm hậu của Phật giáo Việt Nam trong tiến trình phát triển chung của dân tộc.

5. Tổ Như Trùng Lân Giác (1696 - 1733) và phái Trúc Lâm chùa Hàm Long

Chùa là nơi thờ Phật nhưng có một số chùa trên thực tế cũng có gian thờ Đế Quân của Đạo

giáo. Ở một số chùa tu theo lối Mật tông cũng có nhiều yếu tố gần gũi với Đạo giáo như việc bắt quyết, niệm chú ... Qua khảo sát một số văn bia Phật giáo Tk XVII, XVIII ở tỉnh Bắc Ninh cho thấy, có một số tên gọi của chùa dường như có sự gần gũi với Đạo giáo (?). Chẳng hạn như tên chùa: Thánh Tổ Cô Tiên tự bi ký 聖祖姑仙寺碑記; hay văn bia Cô Tiên tự 姑仙寺 chùa Cô Tiên, (xã Châu Cầu, huyện Quế Võ) . Như vậy, theo lời kể hạnh cho biết, Hòa thượng Chân Nguyên, pháp danh là Tuệ Đăng chính là người có công biên tập lại sách Thiền Tông bản hạnh 禪宗本行 dòng Trúc Lâm thiền tông. Theo sách Thiền sư Việt Nam của Hòa thượng Thích Thanh Từ thì Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng sinh năm Đinh Hợi (1647) và viên tịch năm 1726, thọ 80 tuổi, đời pháp thứ 36 dòng Lâm Tế. Sư cũng là người được truyền thừa y bát Trúc Lâm, trụ trì chùa Long Động (còn có tên là Lâm Động) và chùa Quỳnh Lâm là hai ngôi chùa lớn trên núi Yên Tử. Thiền sư Chân Nguyên là người đời Lê, do vậy bài Yên Tử Sơn Trúc Lâm Trần triều Thiền tông bản hạnh do sư sáng tác là một tác phẩm thuộc thời Lê. Đến Tk XVII - XVIII có sự thâm nhập, đan xem giữa phái Lâm Tế và phái Liên Tông của thiền sư Trịnh Thập ở chùa Liên Hoa (tức chùa Liên Phái, Hà Nội) và chùa Hàm Long (Quế Võ, Bắc Ninh).

Sư Trịnh Thập, quê Thanh Hóa, ông vốn là con trai của Tấn Quang Vương Trịnh Bính, em trai của Chúa Trịnh Căn đồng thời là Phò Mã của Thái thượng hoàng Lê Hy Tông, thế danh là Trịnh Thập, pháp danh là Như Trừng, tên tự là Lâm Giác, hiệu là Cứu Sinh. Ban đầu Trịnh Lâm Giác đến chùa Trúc Lâm Long Động thụ giáo ở Hòa thượng Chính Giác và Hòa Thượng Chân Nguyên. Hòa thượng Chân Nguyên được coi là người đã nối được dòng Phật giáo Trúc Lâm Thiền tông thời Trần. Được Chân Nguyên truyền cho y bát ban đầu trụ trì ở chùa Liên Phái (huyện Thọ Xương, Thăng Long), sau chuyển đến trụ trì chùa Hàm Long. Thiền sư xuất thân nguồn gốc tôn quý tuy sống trong lầu son gác tía nhưng không màng đến danh lợi, lòng luôn gửi chốn cửa thiền. Hiện nay, các nguồn tư liệu viết về Thiền sư Trịnh Thập không nhiều. Không biết tháp Cứu Sinh được xây dựng tự bao giờ, nhưng phải đến năm Bảo Đại thứ 2 (1926) chùa mới được trùng tu như hiện nay. Tương truyền khi về trụ trì chùa Hàm Long, Trịnh Thập cho xây dựng nhiều công trình như nhà tiền đường, tam bảo, tổ đường.

Tác giả công trình khảo cứu về tác phẩm Thiền tông bản hạnh cho rằng: bản khắc in chùa Liên Hoa (tức chùa Liên Phái, Hà Nội) khắc in năm 1745 là theo một bản ở chùa núi Yên Tử, bản này có thể là bản ban đầu hoặc bản gần nhất với bản của Hòa thượng Chân Nguyên do Thiền sư Như Trừng Lâm Giác mang về chùa Liên Hoa.

Nghiên cứu về hành trạng của Thiền sư Lâm Giác của học giả Hoàng Xuân Hãn cũng như của Hòa thượng Thích Thanh Từ trong tác phẩm Thiền sư Việt Nam cho biết: “Chùa Liên Hoa là do Lâm Giác Thượng sĩ (1696 - 1733) lập ra. Sư họ Trịnh tên Thập (Ông là em ruột của chúa Trịnh Cương), tuy ở lầu son gác tía nhưng lòng luôn mơ về cõi Phật, nhân đào được một ngó sen lớn trong vườn nhà mà cho đó là điềm xuất gia bèn đổi ra chùa đặt tên là chùa Liên Hoa (sau đệ tử tôn Sư là sư tổ chùa, gọi dòng là Liên Tông, đổi tên chùa là Liên Tông). Sau khi dâng sớ xin xuất gia, được đồng ý ông đi thẳng đến chùa Long Động ở Yên Tử gặp Hòa thượng Chính Giác Chân Nguyên lúc đó đã 80 tuổi. Sư được Chính Giác Chân Nguyên truyền tâm pháp rồi lại trở về chùa Liên Tông.

Hiện nay, tại chùa Hàm Long có ngôi tháp Cứu sinh 救生塔 tên tháp đặt theo tên hiệu của Ông - nơi chứa xá lý của sư Trịnh Thập. Ngoài ra, tại chùa Liên Phái (Hà Nội) cũng có tháp Cứu Sinh, nhưng không rõ đây là tháp có chứa xá lý hay chỉ là tháp tưởng niệm công đức của một vị thiền sư có công trong thiền phái Liên Tông.

6. Một vài nhận xét

Có thể nói rằng, các vị thiền sư thuộc Phái Lâm Tế (đại diện là các vị Chuyết Chuyết, Minh Hành) và phái Trúc Lâm sơn môn Hàm Long - Liên Phái (đại diện là các ngài Chân Nguyên và Trịnh Thập) là những vị cao tăng, thực sự có ảnh hưởng lớn đến học phong Phật giáo đương thời. Họ không chỉ có công “hoằng pháp” trong việc xiển dương Phật pháp, truyền dạy, đào tạo tăng tài, in ấn sách vở, kinh Phật, biên soạn tài liệu Phật giáo mà còn có nhiều đóng góp trong việc “hộ pháp”, đứng ra hưng công cùng các vị chức sắc trong chính quyền Lê - Trịnh để xây dựng nhiều hạng mục công trình trong các danh lam tự viện. Những công lao đó đã được nhiều nguồn sử liệu trong đó có nguồn sử liệu bí kí ghi nhận. Qua các nguồn sử liệu này, sẽ góp phần làm sáng tỏ thân thế, sự nghiệp của các vị thiền sư đương thời.

Muốn hiểu được vai trò, thân thế, sự nghiệp của Thiền sư Trịnh Thập, tự Lâm Giác, hiệu Cứu Sinh một cách toàn diện và chính xác thì cũng cần đặt trong một bối cảnh cụ thể và trong các mối quan hệ với các vị Cao tăng tiền bối và các vị cao tăng đương thời.

TS. Nguyễn Quang Hà

Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội

Trong bài viết này, chúng tôi dẫn kí hiệu văn bia tại Viện Viễn Đông Bác cổ (EFEO), hiện nay lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội); Hiển Thụy am, Báo Nghiêm tháp bi minh 顯瑞庵報嚴塔碑銘; No: 22810/22811; ch. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành; nđ: Phúc Thái 5 (1647);

Hiển Thụy am, Báo Nghiêm tháp bi minh 顯瑞庵報嚴塔碑銘; No: 22810/22811; ch. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành; nđ: Phúc Thái 5 (1647);

Hiển Thụy am, Báo Nghiêm tháp bi minh 顯瑞庵報嚴塔碑銘; No: 22810/22811; ch. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành; nđ: Phúc Thái 5 (1647);

Phạm Đình Hổ - Nguyễn Ân, (2016), Tang thương ngẫu lục, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 222;

Thích Mật Thể (1942), Việt Nam Phật giáo sử lược, Nhà in Minh Đức, tr 176 - 177.

Ninh Phúc thiền tự tam bảo tế tự điền bi 寧福禪寺三寶祭祀田碑; No: 22819 - 20, ch. Bút Tháp, th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Phúc Thái 5 (1647);

Thạch trụ 石柱; No: 22989, ch. Dư Xá, x. Ninh Xá. h. Thuận Thành, nđ: Chính Hòa 25 (1704);

Phạm Tuấn (2006), Kệ phái truyền thừa Lâm Tế Đại Việt, Thông báo Hán Nôm học, Nxb KHXH, HN, tr 770 - 775;

Diệu Thịnh (1825), Kiến tính thành Phật, kí hiệu VNCHN, A. 2597

Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, (1998): Đại Việt sử kí toàn thư. Nxb KHXH, tập, 3, tr 229 -

307;

Nguyên văn: 成既壯志,氣柔和,咸懷忠直,眉晴清秀質體異凡,承嚴君訓諭,吾書習學條章繼述未暇,數年書廚搏達文苑蕃多,身雖女質婦才智度男兒君子.

.Nguyên văn: 授權方為弟子綴覺頃意塵緣放下鄭重一心留錦衣而布得麗拋繡闥而居廬草捨財賄與貧僧聊籍柱真言而大眾宣和在寧福方證菩提標石塔共成佛道豈不幸哉豈不歡哉. Thạch trụ 石柱; (Vô đề 無提; No: 22829, Bút Tháp, th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, Nđ: Vĩnh Hữu 3 (1737);

Phụng Lệnh chỉ 奉令指, No: 22822; ch. Bút Tháp, th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Phúc Thái 4 (1646);

Nguyên văn: 黎朝皇太后弘禪檀越道場,母主婆金剛鄭氏道號法性,心敦善道性,率慈悲鼎新,梵宇之樓臺建立,慈孝之殿廟,置買福田,付鴈塔社耕種,得子若孫以為萬代,香火祭田常年,每月朔望,聖誕,諱日,節臘等,焚香祝聖,上奉佛天,次奠慈孝所,有置買田畝各處在鴈塔,大澤,亞旅,停祖等社;四岐,福林,於?等村,開陳于左.

Ninh Phúc thiền tự tam bảo tế tự điền bi 寧福禪寺三寶祭祀田碑 ; No: 22819 - 20, ch. Bút Tháp, th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Phúc Thái 5 (1647);

Nguyên văn: 皇太后實菩薩之再來也.其長公主號妙慧者,育於皇宮,深居禁闥,德幸舉世無雙,純淑宮中第一,況是時耽文繡之娛,身美色之娛,目聲音之娛,耳肥甘之娛口便嬖,使令之娛前母氏聖善嘻嘻焉家人和繹高高焉.王姬下嫁百輛千歸多歡瑟琴靜好.惟厥初生粵自髮年便重釋教雖在家以遵在命至詠桃夭心行既種善緣施施仁度衆遂于二十有六即厥志長往茹素氣于一身力辟皇后以...皇太后太后福澤于妙慧故妙慧遂承聖母之心悟成佛祖之道不顧貨財珠玉援啟寧福伽藍內外嚴莊無異靈山會上寶塔圓成流傳萬代(Vô đề 無提; No: 22827, ch. Bút Tháp, th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Chính Hòa 5 (1684);

Nguyên văn: 副該隊署衛事體泰候黎會侍候仍一仍左仍前把軸左等隊副該管潁郡公黎挺尚郡主鄭氏玉基侍候內馬前并牽馬等隊正隊長都指揮使司都使寧祿候黎詠副正隊長堅完候黎轎中後船正隊長右校點祥義候黎損尚郡主鄭氏玉梅副正隊長繼祿候黎賢黎氏妙黎氏情黎氏淑黎氏演黎氏景侍仍鹿忠候黎顯黎氏姜黎氏春黎增全族等奉祀碑記顯曾祖妣正宮皇太后員靜幽閑聖德之配耦也.祖姑敕封聖善菩薩端莊艷麗天演之衍派也. 龍樓鷄幃王繞金粧語其惟 以慈悲施濟為心覓得超類縣鴈塔社古跡寧福寺遷京北第一禪天也. 鄉村之力鳩工構作經之營之殿宇巍峩梵宮宏敞粧成一壺世界之琉璃也既有功於佛寧本與佛同其香火耶仍建別堂一連于佛堂之後. Bia Khánh lưu bi kí慶留碑記 không thấy trong kí hiệu của FEEO cũng như trong các đợt sưu tầm của VNCHN gần đây, thác bản này do tác giả sưu tầm tại di tích).

Nguyên văn: 比丘尼號妙圓尊崇佛道,住持寧福禪寺,為有買田在鴈塔大澤二社,所有各處田共壹畝壹高五尺,原許供沙門字性諧,以為茶飯,日時種福蔭功以為法藥.其字性諧,感河尊師,遵承教法,無忌大德,因此敬奉尊師竹林圓證教授師摩訶比丘字如隨,禪師化身菩薩以為祭祀奉事,付本村耕種,係遞年二期: 生時: 六月,十七日,炊盤貳具;諱日: 十月,二十六日,炊盤四具.其本社整備香花,炊菓諸于.生下行禮如儀] (Vô đề (Tháp Tâm Hoa) 無提,心華塔, No: 22826, ch. Bút Tháp, Th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Chính Hòa 2 (1681);

. Vô đề (Tháp Tâm Hoa) 無提,心華塔, No: 22826, ch. Bút Tháp, Th. Bút Tháp, x. Đình Tổ, h. Thuận Thành, nđ: Chính Hòa 2 (1681);

Cứu lĩnh sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi kí/ Sãi vãi tín thí bi kí 究領山上頂天台寺碑記/仕妮信施碑記, st ở chùa Thiên Thai, th. Bảo Tháp, x. Đông Cứu, h. Gia Bình, t Bắc Ninh; Nđ: Đức Long

3 (1631); N0: 4491/4492;

Nguyên văn: 茲立愛社,屋東究社,虞芮鄉,在宝塔村,恩王蔭父茂林佐郎鄭福源,住家十八為師濟世號玄宗仁,至三十三士,請捨業,出家,住持靜慮寺,集福六七年餘,見人悖道,至辛亥,回開創唱卒嘉定,桂陽等縣各社,士媿十方善信而共發家財新造上殿燒香前堂再造三教聖尊諸 ”.

Tháp Sơn Thiên Thai tự sãi vãi bi kí/ Các phủ huyện tín thí bi 塔山天台寺仕媿碑記/各府縣信施碑; st ở ch. Thiên Thai, th. Bảo Tháp, x. Đông Cứu, h. Gia Bình, t. Bắc Ninh, Nđ:.... N0: 4493/4494;

Phúc Lai tự bi kí/Gia Định huyện sãi vãi tín thí 福来寺碑記/嘉定縣仕媿信施, st ở ch. Phúc Lai, x. Lập Ái, h. Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; Nđ: Hoàng Định thứ 16 (1615); N0: 04806/04807;

Cứu Lĩnh Sơn thượng đỉnh Thiên Thai tự bi kí 究嶺山上頂天台寺碑記 (bia tại thôn Bảo Tháp, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh), kí hiệu 04491;

Kinh “Anan, người thiện nam đó dùng phương tiện chân thật phát được mười cái tâm ấy. Tâm tính phát huy mười cái “Dụng” xen lẫn vào nhau, viên thành một tâm, gọi là Phát tâm trụ. Thông rằng: Từ Chân Diệu Viên trùng phát Chân Diệu, đây gọi là phương tiện chân thật. Dùng phương tiện chân thật mà phát được mười thứ tín tâm này. Tín ấy là Chân. Chân ấy là Tin, không dung chứa niệm nào khác xen tạp vào, thì cái Tâm ấy tinh thuần. Sự tinh minh của tâm tự phát ánh sáng. Hoặc “Định” hoặc “Tuệ”, hoặc “Giới” hoặc “Nguyện”, mười cái dụng xen lẫn vào nhau: Ngay trong “Định” có “Tuệ”, “Giới” đều đầy đủ, ngay nơi “Giới” mà “Định”, “Tuệ” đều tròn đầy. Tóm lại, là phát minh cái Bản lai, hướng tới “Giới” mà “Định”, “Tuệ” đều tròn đầy. Tóm lại, là phát minh cái Bản lai, hướng nơi Phật mà an trụ, nên gọi là “Viên thành một tâm”. Mười cái “Dụng” chưa trong thì tâm lượng chưa đầy, hẳn phải mười cái “Dụng” viên thành mới có thể gọi là “Phát tâm trụ”.

. Hưng Nghiêm tự bi/Tín thí 興嚴寺碑/信施, st ở ch. Hưng Nghiêm, x. Quế Ổ, tg. Đại Toán, h. Quế Dương, t. Bắc Ninh; nđ: Hoàng Định 19 (1618); No: 5092/5093;

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 25;

Nguyên văn: 而吾儒之所謂之不朽也禪塔者娑門如李禪師舍利之所藏厥初投生于懷安青步之黎姓少習儒業及長從永龍寺虛造禪師問道遂乃歷遊錦江文台陽堂寺既又於崇光寺住持始慕財鳩功大創寺宇刊經造像鑄鍾條橋尋入安子山龍洞寺迎至和尚真源禪師密授付祝.

Chữ bị mờ, khó đọc.

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 27;

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 34;

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 51;

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 24;

Chân Nguyên, (2009), Thiền Tông bản hạnh, Hoàng Thị Ngọc (Khảo cứu, phiên âm, chú giải), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb Văn học, HN, tr 27- 28;

Hoàng Xuân Hãn, (1998), La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Nxb Giáo dục, tr 1087;

Thích Thanh Từ, (1999): Thiền sư Việt Nam, Tu viện Chân Không, tr 414;